

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 122/2020/HSST

Ngày: 25/8/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Vương Xuân Tượng

+ Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: Út), sinh năm: 1994, tại Ninh Thuận; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh N; Chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Ngọc B (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H (đã chết); Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt ngày 09/02/2020. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc H (Tên gọi khác: Thái), sinh năm: 1990, tại Ninh Thuận; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh N; Chỗ ở: xã T, huyện H, thành phố H; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Ngọc B (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án; Tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Bản án số 96/2008/HSST ngày 02/4/2008 của Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt ngày 01/4/2020.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Chị Phạm Dương Kim N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số 14A đường Y, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Trần Đăng K(Gia), sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 31 đường Đ, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Phan Văn M, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số 43A đường N, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Hồ Viết L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 95 đường L, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 2B đường 3 tháng 2, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc H là anh em ruột, để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, H và H đã cùng nhau từ Ninh Sơn, Ninh Thuận lên Đà Lạt thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 23/9/2019, Nguyễn Ngọc H rủ Nguyễn Ngọc H lên thành phố Đà Lạt để trộm cắp xe máy thì H đồng ý. H chuẩn bị công cụ phá khóa cắt trong người rồi sử dụng xe máy hiệu Yamaha Sirius chở H từ huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận lên thành phố Đà Lạt. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 24/9/2019, cả hai đến Đà Lạt và đi tìm xe máy trộm cắp, khi đến trước nhà số 14A Yersin, Phường 10, Đà Lạt, phát hiện trong sân nhà có để 01 chiếc xe máy, H đứng ngoài canh giới, H đến mở ổ khóa cổng đi vào trong sân, H đến gần xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đen xám, biển số: 49B1-840.20 thì thấy trên xe có cắm sẵn chìa khóa. H dắt chiếc xe ra khỏi cổng rồi nổ máy điều khiển chiếc xe vừa trộm được, còn H điều khiển xe hiệu Yamaha Sirius về nhà ở Ninh Sơn, Ninh Thuận. Khi về đến nhà, H gỡ biển số 49B1-840.20 ra cất giấu trong nhà và sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại một thời gian sau đó bán cho một

người tên Dũng (chưa rõ nhân thân lai lịch) được 5.000.000 đồng, số tiền này H và H tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá số: 29/KL-ĐG ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận định chiếc xe Yamaha Sirius màu đen xám, biển số: 49B1-840.20 trị giá 25.220.000^d (*Hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Người bị hại là chị Phạm Dương Kim N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*).

Lần 2: Khoảng 23h00' ngày 30/10/2019, Nguyễn Ngọc H rủ Nguyễn Ngọc H lên thành phố Đà Lạt để trộm cắp xe máy thì H đồng ý. H chuẩn bị sẵn công cụ phương tiện để phá khóa xe sau đó điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius ở lần 1 chở H lên Đà Lạt. Đến khoảng 03h00' ngày 01/11/2019, cả hai đến thành phố Đà Lạt và đi lòng vòng tìm xe máy để trộm cắp. Khi đến một căn nhà tại hẻm 1/5 Lê Hồng Phong, Phường 4, thành phố Đà Lạt, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu GPX Legend màu đen, biển số: 49A1-006.33 dựng trong sân, H đứng ngoài cánh giới còn H đến phá khóa cổng rồi vào trong sân, đến vị trí xe rồi dùng văm phá khóa điện nổ máy xe sau đó H điều khiển xe vừa trộm cắp được cùng với H điều khiển xe hiệu Yamaha Sirius chạy về huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cất giấu. Sau đó, H bán chiếc xe này cho người tên Dũng được 20.000.000 đồng, số tiền này H và H đã cùng nhau tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá số: 29/KL-ĐG ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận định chiếc xe mô tô nhãn hiệu GPX Legend màu đen, biển số: 49A1-006.33 trị giá 67.900.000^d (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

Người bị hại là anh Trần Đăng Kyêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000^d (*Bảy mươi triệu đồng*).

Lần 3: Khoảng 23h00' ngày 03/02/2020, Nguyễn Ngọc H rủ Nguyễn Ngọc H lên thành phố Đà Lạt tìm xe máy để trộm cắp thì H đồng ý, H sử dụng một xe tay ga chở H lên Đà Lạt. Đến khoảng 03h00' giờ ngày 04/02/2020 cả hai đến nhà trọ tại địa chỉ 08 Thiện Mỹ, phường 4, Đà Lạt thì phát hiện xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu đỏ đen, biển số 49B1-869.63 dựng trong sân, không có người trông coi. H đứng ngoài cánh giới còn H tiến lại gần xe, dùng văm phá khóa xe và điều khiển chiếc xe này cùng với H điều khiển xe tay ga chạy về nhà tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Khi về đến nhà, H tháo biển số của xe trộm cắp được, thay biển số 49B1-840.20 của xe hiệu Yamaha Sirius mà H và H trộm cắp được ở lần 1 vào và sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị bắt.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy hiệu Suzuki Satria màu đỏ đen; 01 Biển số 49B1-869.63.

Tại Kết luận định giá số: 17/KL-ĐG ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận định chiếc xe mô tô hiệu Suzuki Satria màu đỏ đen biển số 49B1-869.63 trị giá 53.100.000^d (*Năm mươi ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Người bị hại là anh Phan Văn M đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần 4: Ngày 05/02/2020, H rủ H lên thành phố Đà Lạt để trộm cắp tài sản, H cũng là người chuẩn bị công cụ phá khóa và sử dụng xe máy nhãn hiệu Suzuki Satria trộm cắp được ở lần 3 chở H lên Đà Lạt. Khoảng 04^h00' ngày 06/02/2020, các bị cáo đến dãy nhà trọ bên cạnh nhà 192 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, H đứng ngoài cảnh giới, H đi bộ xuống dãy nhà trọ, dùng công cụ phá ổ khóa phòng trọ số 1 rồi đột nhập vào trong lục tìm tài sản lấy được chìa khóa xe máy đang để trên bàn, 01 túi đeo chéo bằng da màu nâu, 01 máy ảnh hiệu Canon, 01 điện thoại di động hiệu BlackBerry. Sau đó H ra ngoài sân để xe, dùng chìa khóa xe máy vừa lấy trộm trong phòng mở ổ khóa xe máy hiệu Honda Airblade, màu đỏ trắng, biển số: 49G1-072.28 dựng ngoài sân thì mở được, H nổ máy điều khiển xe này cùng với H điều khiển xe hiệu Suzuki Satria về huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, H nói cho H biết việc trộm được thêm 01 túi xách, 01 điện thoại di động và 01 máy ảnh. Sau đó H đã tháo biển số chiếc xe mới trộm cắp được giữ lại và bán chiếc xe này cho người tên Dũng với giá 5.000.000 đồng, số tiền bán xe này H chưa lấy. Đối với chiếc máy ảnh, H đã bán cho người đi đường được 600.000^d, H và H tiêu xài chung hết số tiền trên. Còn chiếc điện thoại di động BlackBerry H để sử dụng nhưng sau đó đã làm hư hỏng chiếc điện thoại này.

Vật chứng thu giữ: 01 biển số 49G1-072.28; 01 túi đeo chéo bằng da màu nâu, kích thước 20x30cm, có ghi chữ SHAULI; 01 điện thoại nhãn hiệu BlackBerry dạng phím bấm, màu đen viền bạc xám.

Tại Kết luận định giá số: 29/KL-ĐG ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận định chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ trắng, biển số: 49G1-072.28 có giá trị 5.600.000^d (*Năm triệu sáu trăm nghìn đồng*); túi đeo chéo có giá trị 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); điện thoại di động hiệu BlackBerry có giá trị 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); máy ảnh hiệu Canon Powershot A2600 màu đen trắng có giá trị 800.000^d (*Tám trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản mà H và H đã chiếm đoạt là: 10.400.000^d (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Người bị hại là anh Hồ Viết L yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade là 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng); yêu cầu bồi thường giá trị của máy ảnh là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng); yêu cầu bồi thường giá trị của điện thoại Blackberry mà H đã làm hư hỏng là 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

Ngoài những vật chứng được thu giữ ở những lần phạm tội của H và H đã nêu ở trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt còn thu giữ tại nhà của H và H những vật chứng sau: 02 móc bằng kim loại; 01 vạm phá khóa bằng kim loại; 01 cục đá mài; 01 cửa lọng; 01 máy khoan cầm tay; 01 máy mài cầm tay; 01 máy mài để bàn; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo khoác màu xám; 01 áo phao màu vàng; 01 áo phao màu đỏ; 01 áo sơ mi màu xám đen;

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Nguyễn Ngọc H 01 cục đá mài; 01 cửa lọng; 01 máy khoan cầm tay; 01 máy mài cầm tay; 01 máy mài để bàn; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen; 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo khoác màu xám; 01 áo phao màu vàng; 01 áo phao màu đỏ; 01 áo sơ mi màu xám đen;

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKS ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị can Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) mức hình phạt từ 05 đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2020;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H (Thái) mức hình phạt từ 04 đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Phạm Dương Kim N số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng); Bồi thường cho anh Trần Đăng K số tiền 70.000.000^d (Bảy mươi

triệu đồng); Bồi thường cho anh Hồ Viết L số tiền 25.500.000^d (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án còn lại là 02 móc nhựa bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ và 01 vạm phá khóa bằng kim loại đã bị gãy. Đây là những vật dụng các bị cáo đã dùng thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bị hại:

- Chị Phạm Dương Kim N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng).

- Anh Trần Đăng Kyêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000^d (Bảy mươi triệu đồng).

- Anh Hồ Viết L yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade là 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng); yêu cầu bồi thường giá trị của máy ảnh là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng); yêu cầu bồi thường giá trị của điện thoại Blackberry mà H đã làm hư hỏng là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng). Tổng yêu cầu bồi thường là 25.500.000^d (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) đồng ý bồi thường cho những người bị hại theo yêu cầu của những người bị hại tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: bị cáo đã ăn năn hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về H nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo; những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, các bị cáo biết rất rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực

hiện. Lợi dụng thời gian đêm khuya và có sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của những người bị hại, chỉ trong một thời gian ngắn, các bị cáo đã liên tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt và vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản là 156.620.000^d (*Một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*). Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo với tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) là người rủ rê bị cáo Nguyễn Ngọc H (Thái) tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo H cũng là người chuẩn bị công cụ phạm tội là vạm phá khóa, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi bẻ khóa để trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H (Thái) là người đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, dù đã được xóa án tích nhưng lại tham gia cùng bị cáo H thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản và cùng H hưởng lợi từ việc trộm cắp. Bị cáo H là người giúp sức cho bị cáo H trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của những người bị hại.

Đối với người tên Dũng là người tiêu thụ các tài sản do các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc H trộm cắp mà có, hiện chưa làm rõ được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 04 lần nên áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Khi quyết định hình phạt có xem xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện một cách liều lĩnh, táo bạo và nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trái

pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, các ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo tại phiên tòa. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho: chị Phạm Dương Kim N số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*); Bồi thường cho anh Trần Đăng K số tiền 70.000.000^d (*Bảy mươi triệu đồng*); Bồi thường cho anh Hồ Viết L số tiền 25.500.000^d (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án còn lại là 02 móc nhựa bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ và 01 văm phá khóa bằng kim loại đã bị gãy. Đây là những vật dụng các bị cáo đã dùng thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H (Thái) 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) phải liên đới bồi thường cho: chị Phạm Dương Kim N số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*); anh Trần Đăng K số tiền 70.000.000^d (*Bảy mươi triệu đồng*); anh Hồ Viết L số tiền 25.500.000^d (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường là 115.500.000^d (*Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 57.750.000^d (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[3] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) móc nhựa bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ và 01 (Một) văm phá khóa bằng kim loại đã bị gãy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2020 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H (Út) và Nguyễn Ngọc H (Thái) mỗi người phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.887.500^d (Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Thi hành án thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Chu Văn Bình